

PHÂN TÍCH ĐỐI CHIẾU CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ TRONG CÁC BÀI HÁT THIẾU NHI TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

A CONTRASTIVE STUDY OF RHETORICAL DEVICES IN CHILDREN'S SONGS IN ENGLISH AND VIETNAMESE

Hồ Thị Kiều Oanh¹, Nguyễn Đỗ Hà Anh²

¹Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; oanhhokieu@hnnu.edu.vn

²Học viên Cao học Khóa 30, ngành Ngôn ngữ Anh, Đại học Đà Nẵng; haanh14@gmail.com

Tóm tắt - Bài viết nhằm nghiên cứu các biện pháp tu từ trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt. Ngữ liệu gồm 500 mẫu biện pháp tu từ (250 trong tiếng Anh và 250 trong tiếng Việt) được thu thập từ 100 bài hát thiếu nhi ở thế kỉ 20 trong tiếng Anh và 100 bài hát thiếu nhi ở thế kỉ 20 trong tiếng Việt. Qua đó, tác giả bài nghiên cứu so sánh đối chiếu nhằm tìm ra sự tương đồng và khác biệt về biện pháp tu từ trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu có thể giúp người dạy và học hiểu rõ hơn về các biện pháp tu từ được sử dụng trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt và sử dụng chúng một cách hiệu quả và hợp lý trong giảng dạy và học tập.

Từ khóa - biện pháp tu từ; bài hát; thiếu nhi; bài hát thiếu nhi; tiếng Anh và tiếng Việt.

1. Đặt vấn đề

Từ thời xa xưa, âm nhạc đã hiện hữu và tồn tại trong cuộc sống của mỗi con người. Âm nhạc đã gắn liền với mọi khoảnh khắc, mọi giai đoạn của đời người, từ lúc chào đời đến khi già từ cuộc sống. Đó là những khúc hát ru thơ ợt lòng; những bài đồng dao khi khôn lớn, những bài hát vui, dí dỏm trong các trò chơi trẻ thơ; những bài hát giao duyên, tỏ tình khi trưởng thành; những bài ca sinh hoạt; những bài nhạc hiệu xuất trận; những bài hát trong lao động học tập và những khúc hát tiễn đưa con người trở về với cát bụi. Hiểu được tầm quan trọng của âm nhạc, về mặt giáo dục, âm nhạc đã trở thành một môn học chính khóa trong các trường học. Đặc biệt, theo Gardner [2], tài năng về âm nhạc cũng quan trọng như tài năng về tư duy toán học; tài năng về ngôn ngữ; tài năng về thị giác - không gian; tài năng về các động tác vận động của thân thể và tài năng về tương tác. Chính vì vậy, để giúp trẻ em phát triển tài năng của mình, trẻ em nên được cho tiếp xúc với âm nhạc ngay từ khi còn nhỏ. Bằng việc nghe những bài hát dành cho thiếu nhi, trẻ em có thể phát triển trí tuệ, trí nhớ, khả năng ngôn ngữ và vốn từ vựng của mình. Tuy nhiên, chỉ mới nghe và hát những bài hát dành cho thiếu nhi vẫn chưa mang lại tính hiệu quả cao bởi lẽ trong từng bài hát thiếu nhi đều hiện diện các biện pháp tu từ mà chỉ khi phân tích, nghiên cứu kĩ lưỡng mới có thể giúp cho trẻ em, cũng như người dạy và người học hiểu được ý nghĩa và thông điệp mà tác giả bài hát muốn truyền tải.

Trên thực tế, đã có không ít các công trình nghiên cứu về các biện pháp tu từ như “Việc sử dụng các biện pháp tu từ trong quảng cáo” của Tom và Eves [5], “Nghiên cứu về các biện pháp tu từ thường được sử dụng trong các bài thơ trong tiếng Anh và tiếng Việt” của Trịnh Thị Quỳnh Châu [6]. Hay gần đây nhất là công trình nghiên cứu được thực hiện bởi Phạm Thị Hồng Loan [8] với đề tài “Nghiên cứu các đặc điểm ngôn ngữ trong các bài hát thiếu nhi trong

Abstract - This article is designed to study the rhetorical devices in children's songs in English and Vietnamese. A corpus of 500 rhetorical devices (250 in English and 250 in Vietnamese) is taken from one-hundred 20th-century children's songs in English and one-hundred 20th-century children's songs in Vietnamese. The article describes and compares the data to point out the similarities and differences in rhetorical devices between children's songs in English and Vietnamese. The results of the study could help teachers and learners understand more about rhetorical devices used in English and Vietnamese children's songs and how to use them properly and effectively in teaching and learning English and Vietnamese.

Key words - rhetorical devices; songs; children; children's songs; English and Vietnamese.

tiếng Anh và tiếng Việt”. Tuy nhiên, công trình này chỉ mới dừng lại ở các đặc điểm về cấu trúc và ngữ nghĩa của các bài hát thiếu nhi mà chưa đi sâu vào việc phân tích các biện pháp tu từ để làm rõ những nét nghĩa tiềm ẩn bên trong. Đó chính là lý do chúng tôi chọn vấn đề *Phân tích đối chiếu các biện pháp tu từ trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt* để nghiên cứu.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm về trẻ em

Theo Điều 1 Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, “*Trẻ em được xác định là người dưới mười tám tuổi, trừ khi luật pháp quốc gia công nhận tuổi thành niên sớm hơn*”. Ở Việt Nam, theo Điều 1, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định “*trẻ em là người dưới mười tám tuổi*”. Như vậy, trẻ em được xác định là người dưới mười tám tuổi.

2.1.2. Khái niệm về bài hát thiếu nhi và ngôn ngữ đặc trưng của bài hát thiếu nhi

Bài hát thiếu nhi, theo Opie [3], được hiểu là những bài hát được sáng tác dành cho thiếu nhi và được hát bởi thiếu nhi. Theo Pai [4], những bài hát thiếu nhi, bỏ qua những khác biệt về mặt văn hóa, đều có những đặc trưng như sau: *lặp đi lặp lại, ngắn gọn và theo tiết tấu*.

2.1.3. Khái niệm và chức năng của biện pháp tu từ

Theo Galperin [1], biện pháp tu từ là sự cường điệu hóa có chủ đích các đặc trưng về cấu trúc hay ngữ nghĩa của một đơn vị ngôn ngữ. Đinh Trọng Lạc [7] thì định nghĩa biện pháp tu từ là những ngôn ngữ mà ngoài ý nghĩa cơ bản (ý nghĩa của sự vật – logic), chúng còn có ý nghĩa bổ sung, còn có màu sắc tu từ. Chức năng của phương tiện tu từ thay đổi tùy theo mục đích sử dụng của người nói và người viết. Theo Đinh Trọng

Lạc [7], chức năng chính của phương tiện tu từ là hướng người đọc đến những khía cạnh thẩm mỹ của văn bản nghệ thuật.

2.1.4. Phân loại biện pháp tu từ

Trên cơ sở lý thuyết của Galperin [1] và Đinh Trọng Lạc [7], các bài hát thiếu nhi chứa biện pháp tu từ được chia thành hai nhóm chính bao gồm Biện pháp tu từ từ vựng (Ẩn dụ, hoán dụ, so sánh hiển ngôn, nhân hóa) và Biện pháp tu từ ngữ âm (Phép lặp).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, phương pháp miêu tả và so sánh được kết hợp với phương pháp định tính và định lượng. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ các sách Âm nhạc chính khóa trong nhà trường và Tuyển tập các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt. Mẫu ngữ liệu gồm 500 biện pháp tu từ (250 trong tiếng Anh và 250 trong tiếng Việt) được thu thập từ 100 bài hát thiếu nhi ở thể ki 20 trong tiếng Anh và 100 bài hát thiếu nhi ở thể ki 20 trong tiếng Việt.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Biện pháp tu từ từ vựng

a. Biện pháp tu từ ẩn dụ

Ẩn dụ được sử dụng trong các bài hát thiếu nhi bởi với lượng từ hạn chế, chúng không thể diễn tả hết được ý nghĩa hình tượng.

- (1) *Ohmy mum* is a very special mum, [12]
She's my best friend of all is she
Ohmy dad is a very special dad
He's my best friend of all is he.

(My best friend - Edith S. Tillotson)

“Mum” và “Dad” được ẩn dụ với hình ảnh “best friend” bởi lẽ ở phương Tây, quan hệ giữa cha mẹ và con cái là bình đẳng. Vai trò của cha mẹ cơ bản chỉ hướng dẫn là chính, rất ít khi cha mẹ lấy quyền uy để ép trẻ làm những việc trẻ không muốn. Mỗi quan hệ giữa cha mẹ và con cái giống như những người bạn.

- (2) *Ba mẹ là lá chắn* [16]
 Che chở suốt đời con.

(Cho con - Phạm Trọng Cầu)

Khác với phương Tây, “ba mẹ” được so sánh với “lá chắn” bởi sự tương đồng về chức năng giữa hai hình tượng này ở Việt Nam. Thật vậy, “ba mẹ” là trụ cột của gia đình, luôn bao bọc che chở con cái ngay cả khi con đã trưởng thành, và có vai trò tiên quyết trong mọi quyết định, kể cả đó là những quyết định của riêng con cái như người xưa thường có câu “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”.

b. Biện pháp tu từ hoán dụ

Theo mẫu ngữ liệu của bài nghiên cứu, biện pháp tu từ hoán dụ, tuy có xuất hiện trong các bài hát thiếu nhi tiếng Việt, nhưng không xuất hiện trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh.

- (3) *Bàn tay mẹ* bé chúng con [12]
Bàn tay mẹ chăm chúng con

(Bàn tay mẹ - Bùi Đình Thảo)

“*Bàn tay mẹ*” ở (3) được hiểu như người mẹ- người đã chăm sóc và nuôi dưỡng con khôn lớn. Đây là dạng thức *bộ phận thay thế cho toàn thể* trong biện pháp tu từ hoán dụ.

c. Biện pháp tu từ so sánh hiển ngôn

- (4) I'd like to be a busy little bee, [12]
 Being *as* busy *as* a bee can be.

(Busy bee - Kenneth Blain)

“*Ong*” là một loài côn trùng tượng trưng cho sự chăm chỉ. Bằng việc sử dụng hình ảnh “*as busy as a bee*”, tác giả đã truyền tải bài học đạo đức rằng trẻ con phải chăm chỉ, năng động và không được biếng nhác từ khi còn nhỏ.

- (5) Ngày đầu như thế đó, cô giáo *như* mẹ hiền. [15]
 (Ngày đầu tiên đi học, Nguyễn Ngọc Thiệu)

Sự so sánh “*cô giáo*” với “*mẹ hiền*” đã giúp trẻ con hiểu được sự ân cần và chu đáo của cô giáo với học sinh vào ngày đầu tiên đi học.

d. Biện pháp tu từ nhân hóa

Những hình ảnh vô tri, vô giác đã được biểu thị những thuộc tính, dấu hiệu của con người để đối tượng được miêu tả trở nên gần gũi, dễ hiểu hơn.

- (6) The air, soft and free, [10]
Is telling a message

(Arbor day - Kate Louise Brown)

“*The air*” đã mang thuộc tính của con người thông qua cụm động từ “*is telling a message*”. Điều này giúp cho người nghe cảm thấy “*the air*” gần gũi và sinh động hơn, như đang nói chuyện với mình.

- (7) Năng cùng em *hát* và cùng *chơi* múa vòng [13]
 (Năng sớm, Hàn Ngọc Bích)

Tương tự, “*năng*” đã được ví như con người để có thể cùng “*hát*” và “*chơi*” với trẻ con.

3.1.2. Biện pháp tu từ ngữ âm: Phép lặp

Đây là phương tiện tạo ra hiệu ứng về mặt âm thanh tác động đến người nghe.

- (8) *Autumn leaves are a-falling*, red and yellow and brown; [11]

Autumn leaves are a-falling, see them fluttering down.

(Autumn leaves are a-falling - Folk song)

Cụm từ “*Autumn leaves are a-falling*” được lặp lại ở đầu câu nhằm nhấn mạnh mùa thu đang đến. Trẻ con khi nghe cụm từ này nhiều lần sẽ có thể cảm nhận được rằng mùa thu đến với những chiếc lá vàng rơi.

- (9) *Tạm biệt* búp bê thân yêu [13]
Tạm biệt gấu mi-sa né
Tạm biệt thỏ trắng xinh xinh

(Tạm biệt búp bê - Hoàng Thông)

“*Tạm biệt*” được lặp đi lặp lại nhiều lần khiến người nghe không khỏi xúc động khi chứng kiến cảnh chia tay.

3.2. Bàn luận

Thông qua việc phân tích mẫu ngữ liệu, chúng tôi nhận

thấy các biện pháp tu từ được sử dụng trong các bài hát thiếu nhi trong tiếng Anh và tiếng Việt rất phong phú và đa dạng.

Bảng 1. Hình ảnh được sử dụng trong biện pháp tu từ từ vựng trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt

Hình ảnh	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
	Tần số (N _A)	Tần suất (%)	Tần số (N _V)	Tần suất (%)
1. Thiên nhiên	8	29%	29	42%
2. Loài vật thân thiện	4	14%	8	11%
3. Loài vật ít thân thiện	3	11%	1	2%
4. Vật vô tri, vô giác	6	20%	12	17%
5. Bộ phận cơ thể	1	4%	8	11%
6. Con người	3	11%	7	10%
7. Quê hương	3	11%	5	7%
Tổng cộng	28	100%	70	100%

Qua bảng 1, chúng ta có thể thấy một số biện pháp tu từ từ vựng được sử dụng trong tiếng Việt phổ biến hơn trong tiếng Anh, với tần số trong tiếng Việt là N_V=70 và trong tiếng Anh N_A=28. Trong số các hình ảnh nêu trên, chủ đề về Thiên nhiên xuất hiện nhiều nhất trong các bài hát thiếu nhi ở cả hai ngôn ngữ. Hầu hết các hình ảnh được sử dụng trong các bài hát thiếu nhi trong tiếng Anh và tiếng Việt đều gần gũi và thân thiện với trẻ con như *thiên nhiên, loài vật, những vật vô tri, vô giác, bộ phận cơ thể,...* bởi lẽ trẻ con vẫn còn nhỏ và non nớt. Chúng nên được nghe những gì tốt đẹp và mang tính giáo dục cao. Chính những hình ảnh này giúp mang lại những bài học luân lý đạo đức cũng như có tính giáo dục cao cho trẻ con. Bên cạnh hình ảnh về những loài vật thân thiện, những loài vật ít thân thiện hơn (rắn, gián, chuột) cũng xuất hiện trong các bài hát thiếu nhi. Tuy nhiên, tác giả không nhằm mục đích dạy cho trẻ những điều xấu từ tên các loài vật này. Thật ra, những loài vật này chỉ bị xem là ít thân thiện bởi vẻ bề ngoài của nó chứ không phải ở đặc điểm tính cách. Thông qua những loài vật này, tác giả muốn truyền tải một thông điệp rằng hầu hết những loài vật xung quanh ta đều thân thiện và không gây hại cho các em

Bảng 2. Tần số và tần suất xuất hiện của các biện pháp tu từ trong các bài hát thiếu nhi trong tiếng Anh và tiếng Việt

	Biện pháp tu từ	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
		Tần số (N _A)	Tần suất (%)	Tần số (N _V)	Tần suất (%)
Biện pháp tu từ từ vựng	Ẩn dụ	10	4%	28	11%
	Hoán dụ	0	0%	5	2%
	So sánh hiển ngôn	11	5%	20	8%
	Nhân hóa	7	3%	17	7%
Biện pháp tu từ ngữ âm	Phép lặp	222	88%	180	72%
Tổng cộng		250	100%	250	100%

Qua nghiên cứu và khảo sát các mẫu dữ liệu, chúng tôi nhận thấy có 5 loại biện pháp tu từ thường được sử dụng trong các bài hát thiếu nhi trong tiếng Anh và tiếng Việt. Trong đó, *ẩn dụ, hoán dụ, so sánh và nhân hóa* thuộc về biện pháp tu từ từ vựng và *phép lặp* thuộc về biện pháp tu từ ngữ âm. Qua bảng 2, chúng ta có thể thấy *phép lặp* là biện pháp tu từ được sử dụng phổ biến nhất trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt, lần lượt chiếm 88% (N_A=222) và 72% (N_V= 180). Điều này có thể do đối tượng mà những bài hát thiếu nhi hướng đến chính là trẻ con. Và đặc trưng của trẻ con là còn non nớt, chưa đủ trưởng thành; vì vậy, khá khó khăn cho trẻ để hiểu được những biện pháp tu từ từ vựng. Chính vì thế, nhiều nhà soạn nhạc chọn biện pháp tu từ ngữ âm, mà cụ thể là *biện pháp lặp* để thu hút sự chú ý của trẻ nhỏ bởi lẽ *biện pháp lặp* giúp cho bài hát có vần điệu hơn và giúp trẻ dễ nhớ hơn.

Về biện pháp tu từ từ vựng, bốn biện pháp *ẩn dụ, hoán dụ, so sánh hiển ngôn* và *nhân hóa* đều xuất hiện với tần số cao hơn trong các bài hát thiếu nhi tiếng Việt so với tiếng Anh. Trong đó, biện pháp tu từ từ vựng phổ biến nhất trong bài hát thiếu nhi tiếng Việt là *ẩn dụ*, chiếm 11% (N_V=28). Đứng ở vị trí thứ 2 trong tiếng Việt là biện pháp *so sánh hiển ngôn*, 8% (N_V= 20) so với chỉ 5% (N_A=11) trong tiếng Anh. Có thể thấy *so sánh hiển ngôn* là biện pháp tu từ từ vựng gần như phổ biến nhất trong các bài hát thiếu nhi tiếng Việt. *Hoán dụ* là biện pháp tu từ từ vựng ít phổ biến nhất trong tiếng Việt, chiếm 2% (N_V= 5); trong khi đó trong mẫu ngữ liệu của bài nghiên cứu, không có biện pháp tu từ *hoán dụ* nào được tìm thấy trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh.

Lý do dẫn đến tần số sử dụng các biện pháp tu từ từ vựng trong các bài hát thiếu nhi trong tiếng Việt cao hơn trong tiếng Anh là do khác biệt giữa hai nền văn hóa Việt và Anh. Theo Trần Ngọc Thêm [9], Việt Nam hay các nước phương Đông là xứ nóng sinh ra mưa nhiều và ẩm, tạo nên những vùng đồng bằng nằm trong lưu vực các con sông lớn. Còn phương Tây lại là xứ lạnh với khí hậu khô, tạo nên những vùng đồng cỏ mênh mông. Hai loại địa hình đồng bằng và đồng cỏ dẫn đến chỗ cư dân của hai khu vực phải sinh sống bằng hai nghề khác nhau: trồng trọt và chăn nuôi. Kinh tế trồng trọt bắt buộc người Việt phải sống định cư để chờ thu hoạch. Trong khi đó, lối sống chăn nuôi mang tính du cư và phụ thuộc vào đồng cỏ. Do vậy, văn hóa nông nghiệp thì trọng tình và trọng tĩnh; văn hóa du mục thì trọng động. Vì lẽ đó, người phương Đông, cụ thể là người Việt Nam thường sử dụng lối nói ẩn ý, ẩn dụ nhằm giữ thể diện cho người đối diện để duy trì mối quan hệ hòa hợp với những người khác trong cộng đồng. Ngược lại; ở phương Tây, văn hóa du mục khiến người phương Tây coi trọng tính cá nhân và coi trọng quyền tự do cá nhân. Do vậy, các biện pháp tu từ từ vựng không được sử dụng phổ biến như trong các bài hát thiếu nhi tiếng Việt.

Ngoài ra, theo Trần Ngọc Thêm [9], Việt Nam thuộc nền văn hóa ngữ cảnh cao. Chính vì vậy, tác giả Việt Nam thường sử dụng lối diễn đạt gián tiếp, ẩn ý, ẩn dụ trong các bài hát thiếu nhi tiếng Việt. Ngược lại, phương Tây là nền văn hóa ngữ cảnh thấp. Do vậy, các biện pháp tu từ từ vựng ít được sử dụng phổ biến trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh.

4. Kết luận

Với những kết quả rút ra từ bài nghiên cứu này, chúng tôi hy vọng bài viết góp phần giúp người học, người dạy tiếng Anh và tiếng Việt hiểu sâu hơn về những biện pháp tu từ trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt để có thể dạy và học tiếng Anh và tiếng Việt cho trẻ con tốt hơn. Hơn nữa, qua bài báo này, chúng tôi hi vọng sẽ giúp các độc giả hiểu rõ sự khác biệt về đặc trưng văn hóa cũng như ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Galperin, I. R., *Stylistics*. Higher School Publishing House, 1977.
- [2] Gardner, H., *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*, Basic Books Publishing House, 1983.
- [3] Opie, P., *The Oxford Dictionary of Nursery Rhymes*, Oxford University Press, 1951.
- [4] Pai, S. J., *Discovering Musical Characteristics of Children's Songs from Various Parts of the World*, Master of Arts, Queen's University, 2005.
- [5] Tom, G., & Eves, A., "The Use of Rhetorical Devices in Advertising", *Journal of Advertising Research*, 39(4), 1999, 39-43.
- [6] Trịnh Thị Quỳnh Châu, *An Investigation into Stylistic Devices Commonly Used in English and Vietnamese Poems*, Master thesis, The University of Da Nang, 2012.
- [7] Đinh Trọng Lạc, *99 Phương tiện và Biện pháp Tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1994.
- [8] Phạm Thị Hồng Loan, *An Investigation into Linguistic Features of Songs for Children in English and Vietnamese*, Master thesis, The University of Da Nang, 2014.
- [9] Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, 1999.
- [10] Chen, H.M., Zhu, A.L., Zhang, Z.P., & Zhang, H.C., *Music Primary 1*, Pearson Education South Asia Pte Ltd, 2008.
- [11] Chen, H.M., Zhu, A.L., Zhang, Z.P., & Zhang, H.C., *Music Primary 3*, Pearson Education South Asia Pte Ltd, 2008.
- [12] Chen, H.M., Zhu, A.L., Zhang, Z.P., & Zhang, H.C., *Music Primary 4*, Pearson Education South Asia Pte Ltd, 2008.
- [13] Đoàn Đăng Đức & Phương Loan, *Tuyển tập các ca khúc thiếu nhi hay nhất - Ngày đầu tiên đi học*, Nhà xuất bản Âm nhạc, 2015.
- [14] Hoàng Long, *Âm nhạc 4*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2014.
- [15] Hoàng Long & Đàm Luyện, *Âm nhạc và Mỹ thuật 6*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2016.
- [16] Song Minh, *Tuyển tập bài hát hay dùng trong trường Tiểu học*, Nhà xuất bản Thanh niên, 2016.

(BBT nhận bài: 12/12/2016, hoàn tất thủ tục phản biện: 30/12/2016)